

Phụ lục I
BIỂU MẪU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ SỐ 74/2025/TT-BNNMT
NGÀY 26 THÁNG 12 NĂM 2025 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1.	Đơn đề nghị cấp/cấp lại/sửa đổi, bổ sung thông tin giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA)	Mẫu số 01
2.	Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA)	Mẫu số 02

[TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**CẤP/CẤP LẠI/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TIN¹ GIẤY CHỨNG NHẬN
THỦY SẢN, SẢN PHẨM THỦY SẢN ĐẠT YÊU CẦU XUẤT KHẨU
VÀO HOA KỲ (COA)**

Kính gửi: [Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ]

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:.....

Số CCCD/Số định danh cá nhân/Số căn cước/Giấy đăng ký kinh doanh/giấy
phép đầu tư/Quyết định thành lập số:.....

Tên cơ quan cấp:Ngày cấp:

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Email:

Đề nghị [tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi nộp hồ
sơ]..... cấp/cấp lại/sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thủy sản, sản
phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA) theo các thông tin được
kê khai tại phụ lục kèm theo văn bản này.

Chúng tôi xin cam kết thủy sản, sản phẩm thủy sản được sử dụng từ nguồn
nguyên liệu trong nước đáp ứng các quy định của pháp luật Việt Nam hoặc nguyên
liệu nhập khẩu đáp ứng các quy định của quốc gia xuất khẩu và yêu cầu của nước
nhập khẩu. Nếu có phát hiện hoặc chứng minh thông tin đề nghị không đúng sự
thật, chúng tôi sẵn sàng chịu trách nhiệm trước pháp luật theo các quy định hiện
hành./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

¹ Ghi cụ thể nội dung đề nghị cấp hay cấp lại hay sửa đổi hay bổ sung thông tin

BẢNG KÊ THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ CẤP COA

(Ban hành kèm theo Văn bản số ... ngày tháng năm của[tên tổ chức, cá nhân])

Mã HTS Hoa Kỳ, Mô tả loài và hình thức sản phẩm/ <i>U.S. Harmonized Tariff Schedule Number, Species Description, and Product Form</i>	Khối lượng sản phẩm/ <i>Weight</i> (kg)	Khối lượng nguyên liệu/ <i>Material weight</i> (kg)	Ngư cụ sử dụng/ <i>Fishing Gear Used</i>	Quốc tịch tàu cá/ <i>Vessel Flag</i>	Tên tàu và số hiệu/ <i>Vessel Name(s) and Number(s)</i>	Thông tin nguồn gốc/ <i>Traceability Information *</i>				
						Số Giấy biên nhận sản phẩm bốc dỡ qua cảng (nếu có)/ <i>Landing Statement Number (if any)</i>	Số Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (nếu có)/ <i>Statement of Compliance Number (if any)</i>	Số Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (nếu có)/ <i>Catch Certificate Number (if any)</i>	Số giấy COA (nếu có)/ <i>COA Number (if any)</i>	Thông tin hồ sơ/giấy tờ khác (đối với các trường hợp còn lại)/ <i>Other profile information/ documentations</i>
(1)*	(2)*	(3)*	(4)*	(5)*	(6)*	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú:[nêu lý do đối với trường hợp cấp lại/sửa đổi, bổ sung thông tin, nêu rõ thông tin sửa đổi, bổ sung, thay thế COA nào đã được cấp].....

Hướng dẫn ghi:

(1) Mô tả thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào Hoa Kỳ - Mã số theo Biểu thuế hải hòa của Hoa Kỳ (HTS), mô tả loài thủy sản và dạng sản phẩm

- Nhập số Biểu thuế Hải hòa của Hoa Kỳ (HTS) của thủy sản hoặc sản phẩm thủy sản, mô tả loài thủy sản và hình thức sản phẩm bằng tiếng Anh.

+ Các số HTS được nêu tại mục (1) phải phù hợp với Mã HTS đang được áp dụng tại Hoa Kỳ hoặc Mã HS theo thông lệ quốc tế nhưng không được làm sai khác về bản chất nguyên liệu đã sử dụng. Tổ chức, cá nhân phải đảm bảo tính thống nhất của mã HTS với tài liệu, hồ sơ kèm theo đã nộp cho cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu.

+ Các số HTS cho cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật không xương sống sống dưới nước khác có thể được tìm thấy tại: <https://hts.usitc.gov/>.

+ Để tra cứu thông tin thủy sản và sản phẩm thủy sản đó có thuộc trường hợp phải có Giấy COA hay không thực hiện như sau:

Cách 1. Tra cứu trực tiếp từ danh sách NOAA đã công bố trên cổng thông tin điện tử của NOAA (<https://www.fisheries.noaa.gov/resource/outreach-materials/harmonized-tariff-codes-and-other-resources-marine-mammal-protection>)

Cách 2. Gửi thông tin, xác nhận lại từ đối tác nhập khẩu của Hoa Kỳ về việc sản phẩm thủy sản dự kiến nhập có thuộc trường hợp yêu cầu cần có COA hay không.

Lưu ý: Danh sách này có thể thay đổi theo thời gian vì vậy cần liên tục cập nhật để đảm bảo khi nhập khẩu có đầy đủ COA.

+ Cách ghi thông tin cụ thể như sau: **AAAA/BBBB/CCCC**

Trong đó: AAAA: là mã HTS sản phẩm.

BBBB: là tên loài (có thể bao gồm tên tiếng anh, tên khoa học hoặc mã 3 chữ số alpha của tên loài).

CCCC: là dạng sản phẩm (đông lạnh, tươi sống, chế biến,...) phù hợp với mã HTS.

(2) Khối lượng (weight) - Nhập tổng khối lượng tịnh của sản phẩm và đơn vị tính (bằng kilogam hoặc đơn vị đo khác theo yêu cầu của nhà nhập khẩu).

Lưu ý: đây là khối lượng của sản phẩm, không phải khối lượng của nguyên liệu chế biến sản phẩm đó.

Trường hợp cùng một sản phẩm có thể ghi tổng khối lượng theo lô hàng, không cần phân chia theo nguồn gốc nguyên liệu.

(3) Khối lượng nguyên liệu – Nhập khối lượng của nguyên liệu đã sử dụng để chế biến sản phẩm, phù hợp với chất lượng sản phẩm đã công bố.

Trường hợp cùng một sản phẩm, có thể ghi tổng khối lượng nguyên liệu theo từng tàu cá hoặc nhóm tàu cá, phụ thuộc vào hồ sơ nguồn gốc đã nộp kèm.

(4) Nghề/Ngư cụ sử dụng (fishing gear)– Ghi thông tin ngư cụ được sử dụng để khai thác thủy sản dưới dạng mã nghề theo hướng dẫn của Hoa Kỳ.

Trường hợp hồ sơ kèm theo có ghi thông tin mã nghề khác với các quy định của Hoa Kỳ (ví dụ mã nghề theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc - FAO hoặc Liên minh Châu Âu - EU hoặc Tiêu chuẩn Việt Nam) thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ được phép quy đổi sang mã nghề theo yêu cầu của Hoa Kỳ nhưng không được làm sai khác bản chất của nghề/ngư cụ đã sử dụng và phù hợp với giấy phép khai thác thủy sản được cấp.

– Tham khảo bảng mã nghề/ngư cụ của Hoa Kỳ đã công bố tại (<https://www.fisheries.noaa.gov/resource/outreach-materials/harmonized-tariff-codes-and-other-resources-marine-mammal-protection>) hoặc thông tin được đăng tải lại trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nếu là sản phẩm có nguồn gốc từ nuôi trồng điền thông tin: AQ.

- Trường hợp không sử dụng ngư cụ để khai thác thủy sản thì điền thông tin: UNC (trong đó UNC là Unclassified: Gears not reported or Unspecified method).

Trường hợp cần thiết có thể mô tả ngắn gọn phương thức khai thác thể hiện đúng bản chất của hoạt động khai thác loài đó.

(5) Quốc tịch tàu cá (vessel flag)

- Nhập quốc gia theo luật mà tàu cá hoạt động, hoặc đối với các tàu thuê được chứng nhận, nhập quốc gia đã chấp nhận trách nhiệm đối với các hoạt động đánh bắt của tàu.

- Nếu là nuôi trồng thủy sản thì nhập quốc gia nơi cơ sở/trại nuôi đó đặt tại.

- Nhập quốc gia nơi khai thác thủy sản đối với trường hợp không sử dụng tàu cá để khai thác thủy sản.

(6) Tên tàu và số hiệu (vessel name(s) and number(s))

- Nhập Tên tàu cá (đối với tàu nước ngoài)/số đăng ký tàu cá.

- Nếu là nuôi trồng thủy sản, nhập tên cơ sở/ trại nuôi/công ty.

- *Nếu là nguyên liệu từ tàu cá dưới 6m hoặc khai thác không sử dụng tàu cá thì ghi Tên và số căn cước công dân/số hộ chiếu của người khai thác.*

(7) Số Giấy biên nhận sản phẩm bốc dỡ qua cảng (nếu có): Ghi thông tin số Giấy biên nhận sản phẩm bốc dỡ qua cảng do cơ quan quản lý cảng cá cấp.

(8) Số Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (nếu có): Ghi thông tin số Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác do cơ quan quản lý cảng cá hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp.

(9) Số Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (nếu có): Ghi thông tin số Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác do cơ quan quản lý cảng cá cấp (bao gồm cả trường hợp khai thác trong nước và nhập khẩu nguyên liệu).

(10) Số giấy COA (nếu có): Ghi thông tin số giấy COA do cơ quan nước xuất khẩu nguyên liệu thủy sản cấp, trường hợp giấy COA không có số ký hiệu, ghi thông tin nước cấp và ngày cấp. Ví dụ: Mexico cấp ngày 26/12/2025.

(11) Thông tin hồ sơ/giấy tờ khác (đối với các trường hợp còn lại): Trường hợp sử dụng các hồ sơ/giấy tờ còn lại khác với mục (7) (8) (9) (10) thì ghi số ký hiệu của giấy tờ đó, ví dụ: Số Giấy phép khai thác thủy sản và ngày của Giấy chứng nhận thuyền trưởng...

Lưu ý: Các thông tin đánh dấu * là bắt buộc. Ở mục thông tin nguồn gốc, tổ chức, cá nhân phải kê khai thông tin ở một trong năm mục (7) (8) (9) (10) (11) hoặc kết hợp một trong năm mục đó tương ứng với hồ sơ đã nộp.

Serial No:

QR
CODE

CERTIFICATION OF ADMISSIBILITY

Nations subject to trade restrictions for fishery products pursuant to the High Seas Driftnet Fishing Moratorium Protection Act or the Marine Mammal Protection Act

For fish or fish products for which a certificate of admissibility is required, a shipment of fish or fish products in any form from a nation subject to an import restriction, offered for entry to the United States, is eligible for entry only when accompanied by this completed and certified form attached to the invoice and/or shipping documents. An authorized official or agent of the exporting nation must complete the information below:

Exporter:.....
Address:.....
Tel:.....
Email:.....

U.S. Harmonized Tariff Schedule Number, Species Description, and Product Form	Weight	Fishing Gear Used	Vessel Flag	Vessel Name(s) and Number(s)

As a duly authorized official/agent of the Government of The Socialist Republic of Viet Nam, I do hereby certify, to the best of my knowledge and belief, that the fish/fish products in this shipment are of species of fish or fish products, or from fisheries, that are not subject to an import restriction of the United States under the authority of the High Seas Driftnet Fishing Moratorium Protection Act or the Marine Mammal Protection Act.

Printed Name (Exporting Government Agent)
Name (Exporting Government Official) and Address: _____

Signature Date
Telephone: _____
Email: _____

U.S. IMPORTER CERTIFICATION

As the Importer of Record/Agent, I do hereby certify, to the best of my knowledge and belief, that the information on this form accurately describes the fish/fish products contained in this shipment

U.S. Customs Entry Number: _____

Printed Name (U.S. Importer of Record/Agent)

Signature

Date

Address: _____

Telephone: _____

Email: _____

Within 24 hours after the shipment is released from U.S. Customs, importers must certify and submit a copy of this form to NMFS through the Customs and Border Protection Automated Commercial Environment.

Submission of this form is mandatory for imports of seafood subject to trade restrictions in order to meet the requirements of 50 CFR 300, Subpart N or as required under 50 CFR 216, Subpart C. Data submitted based on this information collection will be accorded confidentiality pursuant to 50 CFR Part 600, Subpart E. Public reporting burden for this collection of information is estimated to be 10 minutes. This estimate includes the time for reviewing instructions, searching existing data sources, gathering and maintaining the data needed, and completing and reviewing the collection of information. Send comments regarding this burden estimate or any other aspect of reducing this burden, to the Office of International Affairs and Seafood Inspection, National Marine Fisheries Service, 1315 East West Highway, Silver Spring, Maryland 20910. Notwithstanding any other provision of law, no person is required to respond to, nor shall any person be subject to a penalty for failure to comply with, a collection of information subject to the requirements of the Paperwork Reduction Act, unless that collection of information displays a currently valid OMB Control Number.

HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN CỎA

OMB Control No: aaaa-bbbb (1b)

Expiration Date:(1c)

Serial No: VN-YYY-COA-ZZZZ-XXXXX.00 (1)

QR CODE
(1a)

CERTIFICATION OF ADMISSIBILITY (COA)

Nations subject to trade restrictions for fishery products pursuant to the High Seas Driftnet Fishing Moratorium Protection Act or the Marine Mammal Protection Act/*Các quốc gia chịu hạn chế thương mại đối với sản phẩm thủy sản theo Đạo luật thực thi nghề cá bằng lưới rê vùng biển khơi hoặc Đạo Luật Bảo tồn thú biển của Hoa Kỳ*

For fish or fish products for which a certificate of admissibility is required, a shipment of fish or fish products in any form from a nation subject to an import restriction, offered for entry to the United States, is eligible for entry only when accompanied by this completed and certified form attached to the invoice and/or shipping documents. An authorized official or agent of the exporting nation must complete the information below/Đối với thủy sản hoặc sản phẩm thủy sản cần có Giấy chứng nhận, mọi lô hàng thủy sản hoặc sản phẩm thủy sản từ một quốc gia chịu hạn chế khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ dưới bất kỳ hình thức nào chỉ được phép thông quan khi kèm theo mẫu đơn này, đã được điền đầy đủ thông tin và được chứng thực, đính kèm với hóa đơn và/hoặc chứng từ vận chuyển. Một cơ quan hoặc cán bộ được ủy quyền của quốc gia xuất khẩu phải điền thông tin dưới đây.

Exporter/tên tổ chức, cá nhân: (2)

Address/địa chỉ: (3)

Tel/điện thoại: (4)

Email/thư điện tử: (5)

U.S. Harmonized Tariff Schedule Number, Species Description, and Product Form/ <i>Mã HTS Hoa Kỳ, Mô tả loài và hình thức sản phẩm</i>	Weight/ <i>Khối lượng</i>	Fishing Gear Used/ <i>Nghề/Ngư cụ sử dụng</i>	Vessel Flag/ <i>Quốc tịch tàu cá</i>	Vessel Name(s) and Number(s)/ <i>Tên tàu và số hiệu</i>
(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

As a duly authorized official/agent of the Government of The Socialist Republic of Viet Nam, I do hereby certify, to the best of my knowledge and belief, that the fish/fish products in this shipment are of species of fish or fish products, or from fisheries, that are not subject to an import restriction of the United States under the authority of the High Seas Driftnet Fishing Moratorium Protection Act or the Marine Mammal Protection Act/*Là cơ quan/cán bộ được ủy quyền của Chính phủ Việt Nam, theo hiểu biết và niềm tin, tôi xin chứng nhận rằng thủy sản/sản phẩm thủy sản trong lô hàng này là sản phẩm thủy sản từ mã nghề cá không thuộc danh mục bị hạn chế nhập khẩu của Hoa Kỳ.*

_____(11)_____

Printed Name (Exporting Government Agent)/*Tên in hoa (cán bộ của Chính phủ nước xuất khẩu)*

Name (Exporting Government Official) and Address/*Tên (cơ quan xác nhận) và địa chỉ:*
_____(16)_____

_____(12)_____ (13)_____

Signature/*Chữ ký* Date/*Ngày*

Telephone/*Điện thoại:* _____(14)_____

Email: _____(15)_____

/U.S. importer Certification/ *Chứng nhận của nhà nhập khẩu Hoa Kỳ*

As the Importer of Record/Agent, I do hereby certify, to the best of my knowledge and belief, that the information on this form accurately describes the fish/fish products contained in this shipment/*Là nhà nhập khẩu chính thức/đại lý, theo hiểu biết và niềm tin, tôi xin cam đoan thông tin trên mẫu đơn này mô tả chính xác thủy sản/sản phẩm thủy sản trong lô hàng này:*

U.S. Customs Entry Number/*Số hồ sơ hải quan Hoa Kỳ:* _____

Printed Name (U.S. Importer of Record/Agent)/*Tên in hoa (Nhà nhập khẩu/Đại lý)*

Address/*Địa chỉ:*

Signature/*Chữ ký* Date/*Ngày*

Telephone/*Điện thoại:* _____

Email: _____

Within 24 hours after the shipment is released from U.S. Customs, importers must certify and submit a copy of this form to NMFS through the Customs and Border Protection Automated Commercial Environment./*Trong vòng 24 giờ sau khi lô hàng được thông quan bởi Hải quan Hoa Kỳ, nhà nhập khẩu phải chứng nhận và nộp bản sao của mẫu đơn này cho Cục Thủy sản quốc gia thông qua môi trường Thương mại tự động của Cơ quan Hải quan và Lực lượng Bảo vệ bờ biển*

Submission of this form is mandatory for imports of seafood subject to trade restrictions in order to meet the requirements of 50 CFR 300, Subpart N or as required under 50 CFR 216, Subpart C. Data submitted based on this information collection will be accorded confidentiality pursuant to 50 CFR Part 600, Subpart E. Public reporting burden for this collection of information is estimated to be 10 minutes. This estimate includes the time for reviewing instructions, searching existing data sources, gathering and maintaining the data needed, and completing and reviewing the collection of information. Send comments regarding this burden estimate or any other aspect of reducing this burden, to the Office of International Affairs and Seafood Inspection, National Marine Fisheries Service, 1315 East West Highway, Silver Spring, Maryland 20910. Notwithstanding any other provision of law, no person is required to respond to, nor shall any person be subject to a penalty for failure to comply with, a collection of information subject to the requirements of the Paperwork Reduction Act, unless that collection of information displays a currently valid OMB Control Number/ *Việc nộp đơn này là bắt buộc đối với các lô hàng thủy sản chịu hạn chế thương mại để đáp ứng yêu cầu của Điều 50 CFR 300, điểm N hoặc theo yêu cầu của Điều 50 CFR 216, điểm C. Thông tin thu thập được trên cơ sở mẫu đơn này sẽ được bảo mật theo Điều 50 CFR Phần 600, điểm E. Thời gian báo cáo công khai cho việc thu thập thông tin này ước tính là 10 phút, bao gồm thời gian rà soát hướng dẫn, tra cứu các nguồn dữ liệu hiện có, thu thập và lưu giữ dữ liệu cần thiết, cũng như hoàn tất và xem xét việc thu thập thông tin. Vui lòng gửi ý kiến liên quan đến ước tính thời gian này hoặc bất kỳ khía cạnh nào khác của việc cắt giảm khối lượng công việc này đến Văn phòng Hợp tác quốc tế và Thanh tra thủy sản, Cơ quan Thủy sản Quốc gia, 1315 East*

West Highway, Silver Spring, Maryland 20910. Bất kể các quy định pháp luật nào khác, không cá nhân nào bắt buộc phải trả lời hoặc bị xử phạt vì không tuân thủ việc thu thập thông tin theo các yêu cầu của Đạo luật Giảm thiểu Thủ tục Giấy tờ (Paperwork Reduction Act), trừ khi mẫu thu thập thông tin đó hiển thị số kiểm soát OMB hiện hành..

HƯỚNG DẪN GHI THÔNG TIN:

(1) Số: VN-YYY-COA-ZZZZ-XXXXX.OO: cơ quan có thẩm quyền cấp COA ghi số ký hiệu để theo dõi, thống kê, bao gồm các thông tin:

- **VN** - là ký hiệu quốc gia Việt Nam (giữ nguyên khi cấp).
- **YY** - là ký hiệu tỉnh (theo mã tỉnh đã được công bố).
- **COA** – là ký hiệu giấy chứng nhận (giữ nguyên khi cấp).
- **ZZZZ** – là năm cấp COA.
- **XXXXX** – là số thứ tự COA do đơn vị cấp, ký hiệu này gồm 5 chữ số.
- **OO** – là số ký hiệu bổ sung: (1) trường hợp cấp mới thì không cần thêm thông tin OO); (2) Trường hợp cấp lại, sửa đổi, bổ sung thì giữ nguyên thông tin số ký hiệu như tờ COA đã cấp và thêm các số ký hiệu cụ thể như sau:

+ Trường hợp sửa đổi, bổ sung thông tin trên COA đã cấp thì thêm thông tin “Sx” (trong đó x là số lần sửa đổi, bổ sung);

+ Trường hợp cấp lại COA thì thêm thông tin “Rx” (trong đó x là số lần cấp lại).

Giấy COA đã cấp hết hiệu lực sử dụng kể từ ngày cấp lại, sửa đổi, bổ sung bằng COA mới.

(1a) là mã QR code của COA, phục vụ để tra cứu hiệu lực, giá trị sử dụng (nếu có).

(1b) Số ký hiệu kiểm soát OMB của Hoa Kỳ: số ký hiệu do Hoa Kỳ công bố kèm theo mẫu COA tùy theo từng thời điểm.

(1c) Hiệu lực của mẫu giấy COA: Hiệu lực của mẫu giấy COA do Hoa Kỳ công bố tùy theo từng thời điểm.

(2) Tên tổ chức, cá nhân: Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp COA

(3) Địa chỉ: Địa chỉ liên hệ chính hoặc địa chỉ theo đăng ký của tổ chức, cá nhân

(4) Điện thoại: Số điện thoại liên hệ chính của tổ chức, cá nhân

(5) Email: thông tin địa chỉ hòm thư điện tử của tổ chức, cá nhân đề xuất

(6) Mã số theo Biểu thuế hải hòa của Hoa Kỳ (HTS), mô tả loài thủy sản và dạng sản phẩm: ghi lại đúng thông tin tổ chức/cá nhân đã ghi trong đơn đề nghị sau khi thẩm định phù hợp.

(7) Khối lượng (weight) - ghi thông tin khối lượng sản phẩm và đơn vị tính (không phải thông tin khối lượng nguyên liệu) đúng theo tổ chức/cá nhân đã ghi trong đơn đề nghị sau khi thẩm định phù hợp.

(8) Nghề/Ngư cụ sử dụng (fishing gear) – ghi thông tin sau khi thẩm định phù hợp.

(9) Quốc tịch tàu cá (vessel flag) - ghi thông tin sau khi thẩm định phù hợp.

(10) Tên và số tàu (vessel name(s) and number(s)) - ghi thông tin sau khi thẩm định phù hợp

(11) Họ tên và chức danh của người có thẩm quyền: là tên của người có thẩm quyền tại địa phương đã được đăng ký với Hoa Kỳ.

(12) Chữ ký: là chữ ký của người có thẩm quyền đã được đăng ký với Hoa Kỳ kèm dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp COA.

(13) Ngày xác nhận: ghi ngày thực tế khi xác nhận.

(14) Điện thoại: thông tin điện thoại đã được đăng ký với Hoa Kỳ

(15) Email: thông tin địa chỉ thư điện tử đã được đăng ký với Hoa Kỳ

(16) Tên cơ quan và địa chỉ cơ quan (bằng tiếng anh): ghi tên cơ quan đã được đăng ký với Hoa Kỳ, kèm theo địa chỉ.

Lưu ý: Thông tin mục (11) (12) (14) (15) (16) trên giấy xác nhận phải trùng khớp với danh sách đăng ký cơ quan chỉ định đã được Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp cho NOAA hoặc cập nhật bổ sung và được Hoa Kỳ công bố trên cổng thông tin điện tử: <https://www.fisheries.noaa.gov/international-affairs/certification-admissibility-authorized-officials-under-mammal-protection-act>